

KẾ TOÁN TÀI SẢN TÀI CHÍNH LÀ TRÁI PHIẾU ĐẦU TƯ THEO IFRS 9

 Th.S. Trình Quốc Việt*

Nhận: 14/03/2022

Biên tập: 18/03/2022

Duyệt đăng: 22/04/2022

Tóm tắt

Với lộ trình hội nhập sâu rộng với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) thì việc cập nhật kiến thức của các IFRS được xem là yêu cầu bắt buộc, đối với đội ngũ nhân viên kế toán và kiểm toán Việt Nam. IFRS về công cụ tài chính được xem là một trong những chuẩn mực khó nhất, trong hệ thống các IFRS. IFRS 9 thay thế IAS 39 từ ngày 01/01/2018, đưa ra những thay đổi trong việc ghi nhận, đo lường các công cụ tài chính. Tuy nhiên, các tài liệu hướng dẫn áp dụng IFRS hiện nay còn rất hạn chế, đặc biệt là các tài liệu tiếng Việt. Việc ghi nhận và đo lường các tài sản tài chính là công cụ nợ thì phức tạp hơn so với các tài sản tài chính là công cụ vốn. Bài viết này sẽ tập trung làm rõ, vấn đề ghi nhận đo lường đối với tài sản tài chính là công cụ nợ, mà cụ thể là các trái phiếu đầu tư với các nội dung như xác định giá trị ghi nhận ban đầu, giá trị sau ghi nhận ban đầu và phương pháp kế toán chúng trên các tài khoản kế toán.

Từ khóa: tài sản tài chính, công cụ tài chính, trái phiếu đầu tư, ghi nhận, đo lường, IFRS.

Abstract

With a roadmap for integration with international financial reporting standards (IFRS), updating the knowledge of IFRSs is considered a mandatory requirement for Vietnamese accountants and auditors. The IFRS on financial instruments is considered one of the most difficult standards in the IFRS system. IFRS 9 replaces IAS 39 from 1 January 2018 introducing changes in the recognition and measurement of financial instruments. However, the current documents guiding the application of IFRS are very limited, especially Vietnamese documents. The recognition and measurement of financial assets that are liabilities is more complicated than that of financial assets that are equity instruments. This article will focus on clarifying the issue of measurement recognition for financial assets that are debt instruments, specifically investment bonds, with contents such as measuring initial recognition, after initial recognition and the method of recording them in the accounting accounts.

Keywords: Financial assets, financial instruments, investment bonds, recognition, measurement, IFRS.

JEL: G28, G31, G38, M00, M38.

1. Đặt vấn đề

Theo Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020 về việc “Phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế”, theo đó bắt đầu từ năm 2022 sẽ áp dụng IFRS đối với các doanh nghiệp tự nguyện và sẽ áp dụng bắt buộc từ sau năm 2025, và trên tinh thần của buổi Hội thảo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chế độ kế toán doanh nghiệp và thảo luận về khung BCTC áp dụng cho các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam diễn ra trong 2 ngày 30/11/2021 và 01/12/2021 thì trong thời gian tới Hệ thống kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam sẽ được sửa đổi theo hướng tiếp cận gần nhất với các IFRS. Việc áp dụng IFRS được xem là một thách thức lớn đối với Việt Nam, đặc biệt trong vấn đề đào tạo nguồn lực con người để có thể hiểu và áp dụng một cách đúng đắn các chuẩn mực bởi có rất nhiều chuẩn mực được xem là khó hiểu và khó áp dụng đối với Việt Nam, trong

đó có IFRS 9 “Công cụ tài chính”. Các tài liệu hướng dẫn về chuẩn mực này chủ yếu bằng tiếng Anh, các tài liệu tiếng Việt còn rất hạn chế gây khó khăn trong việc tiếp cận và thực hiện chuẩn mực. Trong chuẩn mực này, tài sản tài chính được phân loại là tài sản tài chính là công cụ vốn và tài sản tài chính là công cụ nợ. Phương pháp kế toán đối với tài sản tài chính là công cụ nợ (như trái phiếu) được xem là phức tạp hơn cả. Vì vậy, trong bài viết này, tác giả chỉ tập trung nói về phương pháp kế toán đối với tài sản tài chính là trái phiếu.

2. Phương pháp kế toán

Theo IFRS 9, tài sản tài chính là công cụ nợ (như trái phiếu) có 3 phương pháp kế toán, đó là:

***Trường Đại học An Giang –
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh**

Phương pháp Giá phí phân bổ

Điều kiện áp dụng: Đối với các trái phiếu đầu tư mà nhà đầu tư có ý định nắm giữ đến ngày đáo hạn, còn được gọi là Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn.

Giá trị ghi nhận ban đầu của trái phiếu = Giá mua + Chi phí mua

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của trái phiếu = Giá trị ghi nhận ban đầu + Thu nhập tiền lãi theo lãi suất thực tế – Tiền lãi thực nhận theo lãi suất danh nghĩa.

Phương pháp Giá trị hợp lý thông qua thu nhập toàn diện khác (FVTOCI)

Điều kiện áp dụng: Đối với các trái phiếu đầu tư nhà đầu tư có ý định nắm giữ đến ngày đáo hạn và cũng sẵn sàng bán chúng đi nếu thấy có lợi hơn, còn được gọi là Chứng khoán sẵn sàng để bán.

Giá trị ghi nhận ban đầu của trái phiếu = Giá mua + Chi phí mua

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của trái phiếu = Là giá trị hợp lý được đánh giá lại theo lãi suất thực tế mới vào cuối năm. Chênh lệch giữa giá trị hợp lý do đánh giá lại và giá trị ghi sổ của trái phiếu được ghi nhận vào Thu nhập toàn diện khác (OCI). Khi trái phiếu được hoàn trả vốn khi đáo hạn hoặc được bán đi trong quá trình nắm giữ sẽ kết chuyển OCI vào Lợi nhuận sau thuế.

Theo phương pháp Giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ (FVTPL)

Điều kiện áp dụng: Đối với các trái phiếu đầu tư mà nhà đầu tư có ý định bán lại trong thời gian ngắn để hưởng chênh lệch giá, còn được gọi là Chứng khoán kinh doanh.

Giá trị ghi nhận ban đầu của trái phiếu = Giá mua (Không cộng chi phí mua, chi phí mua được ghi nhận là chi phí trong kỳ)

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của trái phiếu = Là giá trị hợp lý được đánh giá lại theo lãi suất thực tế mới vào cuối năm. Chênh lệch giữa giá trị hợp lý do đánh giá lại và giá trị ghi sổ của trái phiếu được ghi nhận vào Lãi/Lỗ (P/L).

Chúng ta hãy xem cách hạch toán theo 3 phương pháp trên trong các ví dụ minh họa dưới đây.

3. Ví dụ minh họa

Ngày 01/01/20X1, Công ty A mua trái phiếu có mệnh giá là 100.000đ, lãi suất danh nghĩa 8%/năm, thời hạn 3 năm, giá mua 95.026đ. Giá mua này, là kết quả của lãi suất thực tế 10%. Chi phí mua 1.000đ.

Trường hợp 1: Áp dụng phương pháp Giá phí phân bổ

• Năm 20X1

- Ghi nhận giá trị ban đầu tại thời điểm mua:

Nợ Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn: 96.026 (bao gồm chi phí mua)

Có Tiền: 96.026

- Ghi nhận thu nhập tiền lãi vào cuối năm 1:

Lãi suất thực tế được điều chỉnh lại (sau khi cộng thêm chi phí mua): 9,578%

+ Thu nhập tiền lãi: $96.026 \times 9,578\% = 9.197$

+ Tiền lãi thực nhận: $100.000 \times 8\% = 8.000$

Nợ Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn: 9.197

Có Thu nhập tiền lãi: 9.197

Nợ Tiền: 8.000

Có Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn : 8.000

- Giá trị ghi sổ cuối năm 1 của trái phiếu: $96.026 + 9.197 - 8.000 = 97.223$

• Năm 20X2

- Ghi nhận thu nhập tiền lãi vào cuối năm 2:

+ Thu nhập tiền lãi: $97.223 \times 9,578\% = 9.312$

+ Tiền lãi thực nhận: $100.000 \times 8\% = 8.000$

Nợ Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn: 9.312

Có Thu nhập tiền lãi: 9.312

Nợ Tiền: 8.000

Có Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn: 8.000

- Giá trị ghi sổ cuối năm 2 của trái phiếu: $97.223 + 9.312 - 8.000 = 98.535$

• Năm 20X3

- Ghi nhận thu nhập tiền lãi vào cuối năm 3:

+ Thu nhập tiền lãi: $98.535 \times 9,578\% = 9.465$

+ Tiền lãi thực nhận: $100.000 \times 8\% = 8.000$

Nợ Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn: 9.465

Có Thu nhập tiền lãi: 9.465

- Nhận vốn gốc và lãi cuối năm 3:

Nợ Tiền: 108.000

Có Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn: 108.000

- Giá trị ghi sổ cuối năm 3 của trái phiếu sau khi đáo hạn: $98.535 + 9.465 - 108.000 = 0$.

Trường hợp 2: Áp dụng phương pháp FVTOCI.

Giá sử lãi suất thực tế cuối năm 1&2 lần lượt là 12%&11%. Ngày 30/6/20X3, công ty bán trái phiếu với giá 130.000đ.

• Năm 20X1

- Ghi nhận giá trị ban đầu tại thời điểm mua:

Nợ Chứng khoán sẵn sàng để bán: 96.026 (bao gồm chi phí mua)

Có Tiền: 96.026

- Ghi nhận thu nhập tiền lãi vào cuối năm 1:

Lãi suất thực tế được điều chỉnh lại (sau khi cộng thêm chi phí mua): 9,578%

+ Thu nhập tiền lãi: $96.026 \times 9,578\% = 9.197$

+ Tiền lãi thực nhận: $100.000 \times 8\% = 8.000$

Nợ Chứng khoán sẵn sàng để bán: 9.197

Có Thu nhập tiền lãi: 9.197

Nợ Tiền: 8.000

Có Chứng khoán sẵn sàng để bán: 8.000

- Đánh giá lại vào cuối năm 1 theo lãi suất 12%:

+ Giá trị hợp lý cuối năm 1 của trái phiếu:
 $8.000/(1+12\%)+108.000/(1+12\%)^2 = 93.240$

+ Giá trị ghi sổ cuối năm 1 của trái phiếu: 96.026
 $+ 9.197 - 8.000 = 97.223$

=> Chênh lệch: $93.240 - 97.223 = (3.983)$

Nợ OCI: 3.983

Có Chứng khoán sẵn sàng để bán: 3.983

● Năm 20X2

Ghi nhận thu nhập tiền lãi vào cuối năm 2:

+ Thu nhập tiền lãi: $93.240 \times 12\% = 11.189$

+ Tiền lãi thực nhận: $100.000 \times 8\% = 8.000$

Nợ Chứng khoán sẵn sàng để bán: 11.189

Có Thu nhập tiền lãi: 11.189

Nợ Tiền: 8.000

Có Chứng khoán sẵn sàng để bán: 8.000

Đánh giá lại vào cuối năm 2 theo lãi suất 11%:

+ Giá trị hợp lý cuối năm 2 của trái phiếu:
 $108.000/(1+11\%) = 97.297$

+ Giá trị ghi sổ cuối năm 2 của trái phiếu: 93.240
 $+ 11.189 - 8.000 = 96.429$

=> Chênh lệch: $97.297 - 96.429 = 868$

Nợ Chứng khoán sẵn sàng để bán: 868

Có OCI: 868

● Năm 20X3

Ngày 30/6/20X3, bán trái phiếu với giá 130.000

- Ghi nhận thu nhập tiền lãi đến 30/6/20X3

+ Thu nhập tiền lãi đến 30/6/20X3: $(97.297 \times 11\%)*6/12 = 5.351$

+ Tiền lãi thực nhận đến 30/6/20X3: $(100.000 \times 8\%)*6/12 = 4.000$

Nợ Chứng khoán sẵn sàng để bán: 5.351

Có Thu nhập tiền lãi: 5.351

Nợ Phải thu tiền lãi: 4.000

Có Chứng khoán sẵn sàng để bán: 4.000

- Giá trị ghi sổ của trái phiếu trước khi bán: 97.297
 $+ 5.351 - 4.000 = 98.648$

- Ghi nhận tiền thu được từ bán trái phiếu

Nợ Tiền: 130.000

Có Chứng khoán sẵn sàng để bán: 98.648

Có Phải thu tiền lãi: 4.000

Có Thu nhập bán chứng khoán: 27.352

- Kết chuyển OCI vào Lợi nhuận sau thuế khi trái phiếu được bán đi.

Nợ Lợi nhuận sau thuế: 3.115

Có OCI: 3.115

- Giá trị ghi sổ của trái phiếu sau khi bán: $98.648 - 98.648 = 0$.

Trường hợp 3: Áp dụng phương pháp FVTPL

Giá sử lãi suất thực tế cuối năm 1 là 12%. Ngày 30/6/20X2, công ty bán trái phiếu với giá 130.000đ.

● Năm 20X1

- Ghi nhận giá trị ban đầu tại thời điểm mua:

Nợ Chứng khoán kinh doanh: 95.026 (Không bao gồm chi phí mua)

Nợ Chi phí mua chứng khoán: 1.000

Có Tiền: 96.026

- Ghi nhận thu nhập tiền lãi vào cuối năm 1:

+ Thu nhập tiền lãi: $95.026 \times 10\% = 9.503$

+ Tiền lãi thực nhận: $100.000 \times 8\% = 8.000$

Nợ Chứng khoán kinh doanh: 9.503

Có Thu nhập tiền lãi: 9.503

Nợ Tiền: 8.000

Có Chứng khoán kinh doanh: 8.000

- Đánh giá lại vào cuối năm 1 theo lãi suất 12%:

+ Giá trị hợp lý vào cuối năm 1 của trái phiếu:
 $8.000/(1+12\%)+108.000/(1+12\%)^2 = 93.240$

+ Giá trị ghi sổ cuối năm 1 của trái phiếu: 95.026
 $+ 9.503 - 8.000 = 96.529$

=> Chênh lệch: $93.240 - 96.529 = (3.289)$

Nợ P/L: 3.289

Có Chứng khoán kinh doanh: 3.289

● Năm 20X2

Ngày 30/6/20X2, bán trái phiếu với giá 130.000

- Ghi nhận thu nhập tiền lãi đến 30/6/20X2:

+ Thu nhập tiền lãi đến 30/6/20X2: $(93.240 \times 12\%)*6/12 = 5.595$

Xem tiếp trang 139

s value: Empirical study on manufacturing listed on IDX period 2010-2012. *Net Journal of Business Management*, 2(3), 48-56.

31. Nekhili, M., Nagati, H., Chtioui, T., & Rebolledo, C. (2017), *Corporate social responsibility disclosure and market value: Family versus nonfamily firms*. *Journal of Business Research*, 77(Supplement C), 41-52. doi: <https://doi.org/10.1016/j.jbusres.2017.04.001>.

32. Parvin, R., Rana, M. S., & Shams, S. (2020), *Literature review on the association between earnings management and corporate social responsibility*. *International Journal of Accounting & Finance Review*, 5(1), 22-31.

33. Prior, D., Surroca, J., & Tribó, J.

A. (2008), *Are socially responsible managers really ethical? Exploring the relationship between earnings management and corporate social responsibility*. *Corporate Governance: An International Review*, 16(3), 160-177.

34. Shleifer, A. (2004), *Does Competition Destroy Ethical*.

35. van Tendeloo, B., & Vanstraelen, A. (2005), *Earnings management under German GAAP versus IFRS*. *European Accounting Review*, 14(1), 155-180. doi: 10.1080/0963818042000338988

36. Vo, X. V. (2019), *Residual government ownership and corporate investment efficiency in privatised firms: evidence from a transition country*. *Asian-Pacific Economic Literature*, 33(2), 121-127.

37. Vu, K. A., & Buranatrakul, T. (2018), *Corporate Social Responsibility Disclosure in Vietnam: A Longitudinal Study*. *DLSU Business & Economics Review*, 27(2), 147-165.

38. Wati, R., Honggowati, S., & Supriyono, E. (2014), *The effect of corporate social responsibility on financial performance with real manipulation as a moderating variable*. *International Journal of Management, Economics and Social Sciences*, 3(2), 59-78.

39. Watts, R. L., & Zimmerman, J. L. (1986), *Positive accounting theory*.

40. Zahra, S. A., Priem, R. L., & Rasheed, A. A. (2005), *The antecedents and consequences of top management fraud*. *Journal of Management*, 31(6), 803-828.

Tiếp theo trang 120

+ Tiền lãi thực nhận đến 30/6/20X2: $(100.000 \times 8\%) \times 6/12 = 4.000$

Nợ Chứng khoán kinh doanh: 5.595

Có Thu nhập tiền lãi: 5.595

Nợ Phải thu tiền lãi: 4.000

Có Chứng khoán kinh doanh: 4.000

- Giá trị ghi sổ của trái phiếu trước khi bán: 93.240
+ 5.595 - 4.000 = 94.835

- Ghi nhận tiền thu được từ bán trái phiếu:

Nợ Tiền: 130.000

Có Chứng khoán kinh doanh: 94.835

Có Phải thu tiền lãi: 4.000

Có Thu nhập bán chứng khoán: 31.165

- Giá trị ghi sổ của trái phiếu sau khi bán: 94.835
- 94.835 = 0

4. Kết luận

Quy trình kế toán trên cho thấy, các khoản chiết khấu hoặc phụ trội trái phiếu không cần phải theo dõi trên các tài khoản riêng biệt và việc phân bổ các khoản này được ghi tăng, giảm trực tiếp vào tài khoản tài sản tài chính. Ngoài ra, nếu tài sản tài chính được kế toán theo phương pháp giá trị hợp lý FVTOCI và

FVTPL đòi hỏi người kế toán phải theo dõi chặt chẽ giá cả trái phiếu, lãi suất thực tế của trái phiếu trên thị trường để có thể xác định chính xác giá trị hợp lý của trái phiếu vào cuối kỳ kế toán. Với các ví dụ minh họa trên, hi vọng giúp bạn đọc phần nào hình dung được phương pháp kế toán tài sản tài chính là công cụ nợ theo 03 phương pháp mà IFRS 9 đề cập. Bộ Tài chính cần sớm cung cấp các bản dịch IFRS ra tiếng Việt và các hướng dẫn về phương pháp kế toán đối với công cụ tài chính theo yêu cầu của các IFRS, để quá trình hội nhập với các IFRS đạt được kết quả như mong đợi và góp phần nâng cao chất lượng của báo cáo tài chính. ■

Tài liệu tham khảo

1. BDO. *IFRS in practice – IFRS 9 Financial instruments*, (2019).

2. Deloitte, (2010), *IFRS 9 Financial instruments – A high level summary*, (2016).

3. IASB, *IFRS 9, Financial instruments*, <https://www.iasplus.com>.

4. KPMG, *IFRS 9, for corporates – Application guidance*, (2017).

5. PWC, *IFRS 9 Financial instruments – Understanding basics*, (2017).